

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 07 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 / 3/2021
"V/v Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: ông Châu Anh Kiệt; ông Nguyễn Quang Liêu;

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số 31 /2021/ TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 1 năm 2021 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021 / QĐST – HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Lê Thị TH ; sinh năm 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 12, xã Thg Nt, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước
- **Bị đơn:** anh Lê Văn H ; sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 12, xã Thg Nt, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Lê Thị TH trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Lê Văn H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn, đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp với nhau, tính cách khác nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì được hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Lê Văn Thành, sinh ngày 10/1/2007, Lê Thị Thanh H, sinh ngày 21/2/2015, chị Thẩm xin được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn H vắng mặt, qua lời khai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý với lời trình bày của cô Lê Thị TH về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống có hạnh phúc, sau đó có mâu thuẫn, tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung, về tài sản và nợ chung: đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Lê Thị TH có đăng ký kết hôn với anh Lê Văn H, nay chị Lê Thị TH xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “ Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng chị Lê Thị TH và anh Lê Văn H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thg Nt, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước ngày 30 tháng 10 năm 2019, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị TH và anh Lê Văn H là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, chị Lê Thị TH và anh Lê Văn H đã xảy ra mâu thuẫn vợ chồng và chị Thẩm đã sống ly thân, nay anh Lê Văn H đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự, chị Lê Thị TH được ly hôn với anh Lê Văn H.

[4] Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự giao cháu Lê Văn Thành, sinh ngày 10/1/2007, Lê Thị Thanh Hằng, sinh ngày 21/2/ 2015, cho chị Lê Thị TH chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng : Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng.

[5]. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: chị Lê Thị TH nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 ,84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự, chị Lê Thị TH được ly hôn với anh Lê Văn H.

[2] Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự giao cháu Lê Văn Thành, sinh ngày 10/1/2007, Lê Thị Thanh H, sinh ngày 21/2/ 2015, cho chị Lê Thị TH chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng : Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung : Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Số tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, chị Lê Thị TH phải nộp 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 015966 ngày 22/11/2021.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên